

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS**

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 \* Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn \* Website: www.cpahanoi.com

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

---

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 09 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

---

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016</i>	10 - 35

3822  
NG T  
EM H  
TOÁN  
TOÁN  
Á NỘ  
31-7

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

**Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đường Kon Tum**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước ( Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: KTS

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:**

**Hội đồng quản trị:**

1 Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Lê Hồng Thái	Phó chủ tịch HĐQT
3 Ông Trần Ngọc Hiếu	Ủy viên
4 Ông Nguyễn Thắng	Ủy viên ( bổ nhiệm ngày 12/4/2016)
5 Ông Nguyễn Sỹ Hà	Ủy viên ( bổ nhiệm ngày 12/4/2016)
6 Ông Nguyễn Xuân Minh	Ủy viên ( miễn nhiệm ngày 1/4/2016)

**Ban Giám đốc:**

1 Ông Lê Hồng Thái	Tổng Giám đốc ( bổ nhiệm ngày 1/4/2016)
2 Ông Nguyễn Xuân Minh	Tổng Giám đốc ( miễn nhiệm ngày 1/4/2016)
3 Ông Nguyễn Thắng	Phó Tổng Giám đốc ( bổ nhiệm ngày 4/5/2016)
4 Ông Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát:**

1 Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban
2 Ông Nguyễn Ngọc Hoài Phương	Thành viên ( miễn nhiệm ngày 1/4/2016)
3 Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên
4 Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên

**Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Đại diện cho**

**Công ty Cổ phần Đường Kon Tum**



\_\_\_\_\_  
**Tổng Giám đốc**

**Lê Hồng Thái**

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016



Số: *166* /2016/CPA HANOI - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

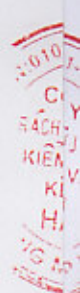
Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum được lập ngày 30/07/2016, trình bày từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.



Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 284/2016/BCKT-AAC ngày 21/3/2016 về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã kiểm toán, được lập thành 07 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Đường Kon Tum giữ 06 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

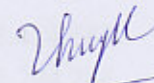
Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2016

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

  
**Tổng Giám đốc**  


**Nguyễn Ngọc Tinh**  
Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thị Phần**  
Giấy CNDKHNKT số: 0928-2013-016-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.504.128.229</b>	<b>109.163.165.001</b>
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>56.230.344.912</b>	<b>57.794.457.864</b>
1.Tiền	111		730.344.912	1.894.457.864
2.Các khoản tương đương tiền	112		55.500.000.000	55.900.000.000
<b>II.Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.999.122.754</b>	<b>41.811.876.150</b>
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	35.599.675.000	30.630.920.000
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.2	8.100.026.774	12.605.079.290
3.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	3.140.000.000	3.140.000.000
4.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.076.529.731	1.680.431.495
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(3.917.108.751)	(6.244.554.635)
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>5.197.361.879</b>	<b>9.505.712.657</b>
1.Hàng tồn kho	141		5.197.361.879	9.505.712.657
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>77.298.684</b>	<b>51.118.330</b>
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	77.298.684	-
2.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	-	51.118.330
<b>B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>200</b>		<b>41.568.708.508</b>	<b>45.008.220.035</b>
<b>I.Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II.Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.586.748.786</b>	<b>41.307.775.025</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	39.278.324.103	39.978.934.568
- Nguyên giá	222		167.324.660.026	167.145.491.846
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(128.046.335.923)	(127.166.557.278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.308.424.683	1.328.840.457
- Nguyên giá	228		1.912.794.286	1.912.794.286
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(604.369.603)	(583.953.829)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>559.892.462</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	559.892.462	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>422.067.260</b>	<b>3.700.445.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	422.067.260	3.700.445.010
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>147.072.836.737</b>	<b>154.171.385.036</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

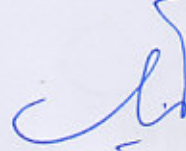
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.160.505.626</b>	<b>24.588.532.898</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.160.505.626</b>	<b>24.588.532.898</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	78.391.170	18.913.577.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		566.950	563.897.050
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	686.573.702	3.437.270.442
4. Phải trả người lao động	314		4.385.466.409	1.032.893.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	500	722
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	15.420.551	418.200.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.000.000	1.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.993.086.344	221.694.452
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139.912.331.111</b>	<b>129.582.852.138</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>139.912.242.929</b>	<b>129.582.763.956</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.136.360.000	4.626.045.950
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.791.854.236	52.972.689.313
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		29.737.444.371	30.877.444.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.054.409.865	22.095.244.942
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.182</b>	<b>88.182</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	88.182	88.182
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>147.072.836.737</b>	<b>154.171.385.036</b>

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phan Dạ Uyên

Hồ Minh Tường

Lê Hồng Thái

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

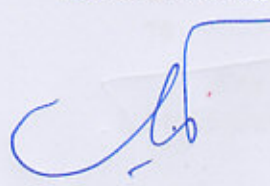
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	201.039.400.919	203.210.326.197
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		201.039.400.919	203.210.326.197
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	163.717.489.790	177.162.932.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.321.911.129	26.047.393.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.612.321.030	22.950.724
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	64.018.673	1.425.923.405
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		64.018.673	1.425.923.405
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	776.887.319	1.881.599.212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.350.074.523	7.976.671.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.743.251.644	14.786.150.265
11. Thu nhập khác	31	VI.7	462.369.355	94.438.621
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.913.849.306	187.580.501
13. Lợi nhuận khác	40		(1.451.479.951)	(93.141.880)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.291.771.693	14.693.008.385
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	237.361.828	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		33.054.409.865	14.693.008.385
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	6.520	2.898

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		204.106.191.018	129.047.700.427
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(161.165.902.990)	(144.865.248.028)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.589.550.325)	(11.550.100.222)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(64.018.895)	(1.400.819.754)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(183.208.764)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	VII.1	571.842.657	1.927.114.625
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	VII.2	(15.636.170.082)	(11.664.802.679)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.039.182.619</b>	<b>(38.506.155.631)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(995.081.100)	(4.508.041.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		525.354.545	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			30.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.146.430.984	44.728.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>676.704.429</b>	<b>(4.433.312.500)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.900.421.392	162.768.554.348
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.900.421.392)	(132.804.817.127)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.280.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.280.000.000)</b>	<b>29.963.737.221</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.564.112.952)</b>	<b>(12.975.730.910)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.794.457.864	13.120.211.415
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>56.230.344.912</b>	<b>144.480.505</b>

Người lập biểu

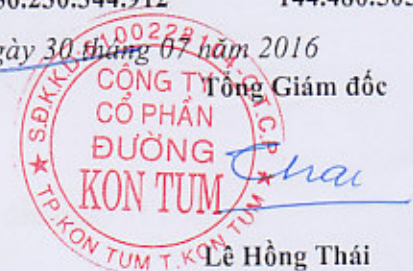
Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước ( Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 50.700.000.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng).

<b>Cơ cấu vốn điều lệ:</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Phần trăm</b>
<i>Ông Nguyễn Tất Đạt</i>	358.800	3.588.000.000	7,08%
<i>Công ty TNHH Kim Hà Việt</i>	760.500	7.605.000.000	15,00%
<i>Các cổ đông khác</i>	3.950.700	39.507.000.000	77,92%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>5.070.000</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>100%</b>

**2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường.****3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu ( trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Sản xuất bao bì;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị;
- Gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí;

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm :**

Năm 2015 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2016, căn cứ theo thông báo số 40/HĐQT ngày 14/04/2016 năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

Theo đó:

*Năm tài khóa đầu tiên áp dụng niên độ mới: bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc ngày 30/06/2016.*

*Bắt đầu từ năm tài khóa thứ 2 áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.*

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Đường Kon Tum, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### 1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

##### a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- b **Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.**
  - Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
  - Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- c **Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:**
  - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
    - + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.
    - + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
    - + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
    - + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
    - + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
    - + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
  - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
    - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả + khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ + giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra - đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

## **2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng ( không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

## **4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## **5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

**Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:**

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

**6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua ( trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8 năm



Phần mềm quản lý	8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### 7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.
- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
  - Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
  - Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
  - Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
  - Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
  - Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
  - Các khoản chi phí trả trước khác phụ vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

#### 8 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

#### 9 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

#### 10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

#### **12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

### 13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

### 14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
  - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
  - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính ( nếu lãi) hoặc chi phí tài chính ( nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

### 15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

**16 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo ( kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

### **18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

### **19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ( ĐVT: VND)**

1. Tiền	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	20.782.597	80.213.596
Tiền gửi Ngân hàng	709.562.315	1.814.244.268
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	<i>709.562.315</i>	<i>1.814.244.268</i>
NH Ngoại thương Kon Tum	484.940.932	1.323.362.592
NH Sacombank - CN Kon Tum	65.174.677	22.222.658
NH Công Thương Kon Tum	3.003.746	50.885.705
NH á Châu Kon Tum	125.907.398	265.140.024
NH Nông Nghiệp & PTNT Kon Tum	1.404.272	151.624.209
NH TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	29.131.290	1.009.080
- Các khoản tương đương tiền	55.500.000.000	55.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	55.500.000.000	55.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.230.344.912</b>	<b>57.794.457.864</b>
2. Phải thu cho về cho vay	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay các bên không liên quan	3.140.000.000	3.140.000.000
<i>a Phải thu cho về cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.140.000.000</i>	<i>3.140.000.000</i>
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh (1)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Bắc Trung Bộ (2)	190.000.000	190.000.000
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang (3)	500.000.000	500.000.000
Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang (4)	450.000.000	450.000.000
<i>b Phải thu cho về cho vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.140.000.000</b>	<b>3.140.000.000</b>

(1) HĐ số 01/2013/HĐTD ngày 26/04/2013 thời hạn cho vay 3 tháng lãi suất 10%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%

(2) HĐ số 02/2012/HĐTD ngày 30/8/2012, thời hạn vay 12 tháng lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/1/2015 lãi suất là 0%.

(3) HĐ số 03/2010/HĐTD ngày 15/6/2010 vay trả ngày 31/10/2010. Lãi suất 1,0416%/tháng. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

(4) HĐ số 04/2010/HĐTD ngày 24/11/2010 gốc vay 500tr thời hạn 3tháng. Lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

Các khoản cho vay đều có đối chiếu hàng năm, tuy nhiên đã quá thời hạn thanh toán theo quy định và đơn vị đã trích lập dự phòng đầy đủ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tại ngày 01/01/2016

Tại ngày 30/06/2016

3. Phải thu khách hàng

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn	35.599.675.000	-	30.630.920.000	-
<i>a</i>				
<i>a</i> Phải thu khách hàng không là các bên liên quan	35.599.675.000	-	18.390.920.000	-
Công Ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	6.599.675.000	-	10.230.920.000	-
Công Ty TNHH Thái Hàng Hà Tiên	29.000.000.000	-	8.160.000.000	-
<i>b</i> Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-	12.240.000.000	-
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	-	-	12.240.000.000	-
3.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.100.026.774	(347.659.038)	12.605.079.290	(2.675.104.922)
Ngô Ngọc Cảnh	178.897.920	-	528.885.500	-
Trần Đình Hân	715.125.950	-	525.138.451	-
Nguyễn Đình Dương	-	-	487.572.000	(487.572.000)
Các đối tượng khác	7.206.002.904	(347.659.038)	11.063.483.339	(2.187.532.922)
<b>Cộng</b>	<b>43.699.701.774</b>	<b>(347.659.038)</b>	<b>43.235.999.290</b>	<b>(2.675.104.922)</b>

Tại ngày 01/01/2016

Tại ngày 30/06/2016

4. Phải thu khác

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4. Phải thu khác				
<i>a</i>				
<i>a</i> Phải thu khác ngắn hạn	1.076.529.731	(429.449.713)	1.680.431.495	(429.449.713)
<i>a</i> Phải thu khác - TK 138	1.075.972.684	(429.449.713)	1.678.627.495	(429.449.713)
<i>a</i> Phải thu khác các bên không liên quan	1.075.972.684	(429.449.713)	1.634.181.940	(429.449.713)
Cty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang	235.069.436	(235.069.436)	235.069.436	(235.069.436)
Công Ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Kiên Giang	189.512.499	(189.512.499)	189.512.499	(189.512.499)
Công ty Cổ phần Bắc trung bộ	4.867.778	(4.867.778)	4.867.778	(4.867.778)
Lãi dự thu Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	220.972.222	-	1.048.333	-
Lãi dự thu Ngân hàng Ngoại Thương Kon Tum	144.375.000	-	2.999.997	-
Công Ty TNHH Thái Hàng Hà Tiên	157.083.333	-	23.573.333	-

Phải thu CBCNV	-	-	1.073.464.039
Các đối tượng khác	124.092.416		103.646.525
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b>	-	-	<b>44.445.555</b>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	-		44.445.555
<b>Phải thu về tạm ứng</b>	<b>557.047</b>	-	<b>1.804.000</b>

Tại ngày 30/06/2016

Tại ngày 01/01/2016

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
4.093.086.090	175.977.339	6.244.554.635	2.402.864.743	
Quá hạn 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn từ 3 năm trở lên	
		2.000.000.000		
75.418.859	186.799.740	-	85.440.439	
<b>75.418.859</b>	<b>186.799.740</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.654.890.152</b>	

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

**Trong đó:**

- Công ty CP Nhựa Trường Thịnh
- Công ty CP Bắc Trung Bộ
- Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang
- Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang
- Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ
- Trả trước người bán

Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	850.195.755		2.478.113.128	
Công cụ, dụng cụ	3.651.230.702		4.039.854.476	
CP SXKD dở dang	311.926.470		1.906.696.802	
Thành phẩm	286.415.452		316.509.354	
Hàng hóa	97.593.500	-	764.538.897	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>5.197.361.879</b>	<b>-</b>	<b>9.505.712.657</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>48.302.790.808</b>	<b>115.133.471.130</b>	<b>3.253.729.693</b>	<b>455.500.215</b>	<b>167.145.491.846</b>
- Mua trong năm					-
- XDCB hoàn thành		690.362.000	751.784.545		1.442.146.545
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			1.262.978.365		1.262.978.365
- Giảm khác					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.302.790.808</b>	<b>115.823.833.130</b>	<b>2.742.535.873</b>	<b>455.500.215</b>	<b>167.324.660.026</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>40.415.770.203</b>	<b>84.145.748.458</b>	<b>2.312.980.117</b>	<b>292.058.500</b>	<b>127.166.557.278</b>
- Khấu hao trong kỳ	374.952.546	1.603.073.011	109.902.645	22.005.000	2.109.933.202
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			1.230.154.557		1.230.154.557
- Giảm khác					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.790.722.749</b>	<b>85.748.821.469</b>	<b>1.192.728.205</b>	<b>314.063.500</b>	<b>128.046.335.923</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu kỳ	7.887.020.605	30.987.722.672	940.749.576	163.441.715	39.978.934.568
- Tại ngày cuối kỳ	7.512.068.059	30.075.011.661	1.549.807.668	141.436.715	39.278.324.103

**Note: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 85.206.125.306 đồng**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN  
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.180.000.000</b>	<b>589.080.000</b>	<b>143.714.286</b>	<b>1.912.794.286</b>
- Mua trong năm				-
- XDCB hoàn thành				-
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.180.000.000</b>	<b>589.080.000</b>	<b>143.714.286</b>	<b>1.912.794.286</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>-</b>	<b>572.257.083</b>	<b>11.696.746</b>	<b>583.953.829</b>
- Khấu hao trong kỳ		16.822.917	3.592.857	20.415.774
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>589.080.000</b>	<b>15.289.603</b>	<b>604.369.603</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>				
- Tại ngày đầu kỳ	1.180.000.000	16.822.917	132.017.540	1.328.840.457
- Tại ngày cuối kỳ	1.180.000.000	-	128.424.683	1.308.424.683

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN  
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

9. Chi phí XDCB dở dang:	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
XDCB dở dang	36.363.637	-
Chi phí sửa chữa lớn	523.528.825	
<b>Cộng</b>	<b>559.892.462</b>	<b>-</b>
10. Chi phí trả trước	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	77.298.684	-
Chi phí thuế đất chưa phân bổ	3.772.245	-
Chi phí bảo trì phần mềm	42.906.000	-
Chi phí bảo hiểm	28.763.782	-
Phí đường bộ,	1.856.657	-
10.2 Chi phí trả trước dài hạn	422.067.260	3.700.445.010
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	3.788.617	128.357.809
Chi phí CCDC chờ phân bổ	267.469.707	191.174.139
Chi phí sửa chữa tài sản	150.808.936	3.268.816.976
Chi phí trả trước tài sản không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ	-	112.096.086
11. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
12. Phải trả người bán	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	78.391.170	18.913.577.232
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán không là các bên liên quan</i>	78.391.170	18.913.577.232
Nguyễn Hữu Trung	-	1.283.276.246
Các đối tượng khác	78.391.170	17.630.300.986

*Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

13.1	Thuế và các khoản phải nộp NN	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Thuế GTGT	3.087.423.774	9.132.535.197	11.544.839.185	675.119.786
	Thuế TNDN		237.361.828	234.327.094	3.034.734
	Thuế Tài nguyên	57.845.538	145.304.113	203.149.651	-
	Thuế đất, tiền thuê đất		57.216.802	57.216.802	-
	Thuế TNCN	292.001.130	819.571.359	1.103.153.307	8.419.182
	Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>3.437.270.442</b>	<b>10.394.989.299</b>	<b>13.145.686.039</b>	<b>686.573.702</b>

13.2	Thuế và các khoản phải thu NN	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
	Thuế TNDN		51.118.330
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>51.118.330</b>

14.	Chi phí phải trả	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
	<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
	Chi phí tiền lãi vay	500	722
	<b>Cộng</b>	<b>500</b>	<b>722</b>

15.	Các khoản phải trả khác	30/06/2016	01/01/2016
	<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.420.551</b>	<b>418.200.000</b>
	Công ty TNHH MTV Vận Tải Hàng Hóa Đại Tiến	-	267.000.000
	Phải trả CBCNV	15.420.551	
	Phải trả khác		151.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>15.420.551</b>	<b>418.200.000</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN  
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

**16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**  
**A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.626.045.950</b>	<b>38.482.444.371</b>	<b>115.092.519.014</b>
- Tăng vốn trong năm trước					-	
- Lãi trong năm trước					22.991.678.277	22.991.678.277
- Tăng khác					-	
- Giảm vốn trong năm trước					-	
- Giảm khác năm trước					8.501.433.335	8.501.433.335
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.626.045.950</b>	<b>52.972.689.313</b>	<b>129.582.763.956</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.626.045.950</b>	<b>52.972.689.313</b>	<b>129.582.763.956</b>
- Tăng vốn trong năm nay				510.314.050		510.314.050
- Lãi trong năm					33.054.409.865	33.054.409.865
- Tăng khác					-	
- Giảm vốn trong năm						
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					2.955.244.942	2.955.244.942
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ					20.280.000.000	20.280.000.000
- Giảm khác trong năm						
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>5.136.360.000</b>	<b>62.791.854.236</b>	<b>139.912.242.929</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàn, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>50.700.000.000</b>
<b>C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	50.700.000.000	50.700.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	50.700.000.000	50.700.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>23.235.244.942</b>	<b>8.501.433.335</b>
Chia cổ tức	20.280.000.000	7.605.000.000
Trích các quỹ	2.955.244.942	896.433.335
<b>D. Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
<b>E. Cổ tức</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	40%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		
<b>F. Các quỹ doanh nghiệp</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Quỹ đầu tư phát triển	18.674.216.181	18.674.216.181
<b>17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Nợ khó đòi đã xử lý	11.755.504.970	9.359.347.847

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Kết thúc ngày 30/06/2016

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán đường	184.915.276.573	189.425.219.722
Doanh thu bán mật	11.558.476.191	7.171.383.806
Doanh thu bán bã bùn	1.924.223.892	1.224.659.145
Doanh thu bán phân bón	1.217.184.500	4.953.906.417
Doanh thu khác	1.424.239.763	435.157.107
<b>Cộng</b>	<b>201.039.400.919</b>	<b>203.210.326.197</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn bán đường	161.657.844.871	163.488.303.796
Giá vốn bán mật	722.247.861	7.159.596.791
Giá vốn bán bã bùn	-	1.190.864.477
Giá vốn bán phân bón	1.217.128.997	4.951.300.605
Giá vốn khác	120.268.061	372.867.107
<b>Cộng</b>	<b>163.717.489.790</b>	<b>177.162.932.776</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	1.612.321.030	22.950.724
<b>Cộng</b>	<b>1.612.321.030</b>	<b>22.950.724</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	64.018.673	1.425.923.405
<b>Cộng</b>	<b>64.018.673</b>	<b>1.425.923.405</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	-	512.941.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.574.323	1.247.377.911
Chi phí khác	111.312.996	121.279.453
<b>Cộng</b>	<b>776.887.319</b>	<b>1.881.599.212</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.183.924.617	3.344.183.656
Chi phí dự phòng	68.711.239	3.392.566.555
Chi phí KH TSCĐ	220.780.937	
Chi phí QLDN khác	876.657.730	1.239.921.052
<b>Cộng</b>	<b>3.350.074.523</b>	<b>7.976.671.263</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM****Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Kết thúc ngày 30/06/2016

7. Thu nhập khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Thu tiền phạt		22.466.667
Thanh lý CCDC, tài sản	441.478.445	27.545.452
Thu khác	20.890.910	44.426.502
<b>Cộng</b>	<b>462.369.355</b>	<b>94.438.621</b>
8. Chi phí khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	187.000.000	138.000.000
Chi phí tiền lương năm 2014	1.073.464.039	-
Các khoản khác	653.385.267	49.580.501
<b>Cộng</b>	<b>1.913.849.306</b>	<b>187.580.501</b>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>33.291.771.693</b>	<b>14.693.008.385</b>
<b>Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>5.627.759.092</b>	<b>187.580.500</b>
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>5.627.759.092</i>	<i>187.580.500</i>
Lương, thù lao HĐQT không làm việc tại công ty	187.000.000	138.000.000
Chênh lệch tiền lương đã hạch toán vào chi phí và số thực trả đến 30/06/2016	3.676.471.786	-
Chi phí tiền lương năm 2014	1.073.464.039	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	690.823.267	49.580.500
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập được miễn thuế</b>	<b>37.732.721.645</b>	<b>14.880.588.888</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.186.809.140</b>	<b>-</b>
- Trong đó lãi tiền gửi có kỳ hạn	724.439.785	-
- Thu nhập khác	462.369.355	-
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20%</b>	<b>22%</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>237.361.828</b>	<b>-</b>
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí nguyên vật liệu	145.491.214.946	110.244.133.157,0
Chi phí nhân viên	12.900.781.974	13.124.315.513
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.130.348.976	2.596.408.322
Chi bằng tiền khác	265.414.609	877.897.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.022.961.478	7.424.416.235
Trích lập dự phòng	68.711.239	-
<b>Cộng</b>	<b>165.879.433.222</b>	<b>134.267.170.961</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

11	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.054.409.865	14.693.008.385
	Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	5.070.000	5.070.000
	Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	5.070.000	5.070.000
	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.520</b>	<b>2.898</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>
<b>1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>571.842.657</b>
Thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu	69.230.290
Thu ký quỹ, ký cược, đặt cọc	171.600.000
Thu tạm ứng	251.950.730
Thu tiền hồ sơ thầu, tiền hỗ trợ	9.163.637
Thu bảo hiểm, trợ cấp BH	68.386.900
Thu khác	1.511.100
<b>2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>15.636.170.082</b>
Chi nộp thuế GTGT	11.544.839.185
Chi nộp thuế môn bài, TNCN, thuế khác	339.783.087
Chi nộp thuế đất, thuê đất	57.216.802
Chi nộp thuế tài nguyên	203.149.651
Chi tạm ứng	298.227.787
Chi nộp KPCĐ, bảo hiểm	2.322.020.171
Chi trả ký quỹ, đặt cọc	309.900.000
Chi khen thưởng phúc lợi và chi khác	561.033.399

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Tài sản tài chính**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Kết thúc ngày 30/06/2016

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai.  
Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
-Tiền và các khoản tương đương tiền	56.230.344.912	56.230.344.912
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	47.916.231.505	43.999.122.754

**Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công nợ tài chính tại****30/06/2016**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán	78.391.170	-	78.391.170
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.420.551	-	15.420.551
Chi phí phải trả	500	-	500
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000	-	1.000.000

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường ( bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

**2. Thông tin về các bên liên quan khác****2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan**

Công ty TNHH Kim Hà Việt  
Ông Nguyễn Tất Đạt  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Ông Lê Văn Thái TGD là CT HĐQT

**2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Công ty TNHH Kim Hà Việt	9.313.000.001	35.519.699.044

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Kết thúc ngày 30/06/2016

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	124.047.619.047	-
<b>Cộng</b>	<b>133.360.619.048</b>	<b>35.519.699.044</b>
<b>2.3. Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	2.452.901.400	-
<b>Cộng</b>	<b>2.452.901.400</b>	<b>-</b>
<b>2.4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	192.618.474	-
<b>Cộng</b>	<b>192.618.474</b>	<b>-</b>
<b>2.5. Các khoản phải thu</b>	<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016</b>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK131	-	12.240.000.000
Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK138	-	44.445.555
<b>2.6 Thu nhập HĐQT và BKS</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thù lao HĐQT + BKS	253.794.480	260.711.687
Thu nhập ban Tổng GD và thành viên chủ chốt	254.608.446	346.116.457
<b>Cộng</b>	<b>508.402.926</b>	<b>606.828.144</b>

**3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh sản xuất: đường, mật ri, sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men, mía giống...

Kinh doanh thương mại: Bán thành phẩm, phân bón,...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Doanh thu bán đường	184.915.276.573	161.657.844.871	23.257.431.702
Doanh thu bán mật	11.558.476.191	722.247.861	10.836.228.330
Doanh thu bán bã bùn	1.924.223.892	-	1.924.223.892

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

Doanh thu bán phân bón	1.217.184.500	1.217.128.997	55.503
Doanh thu khác	1.424.239.763	120.268.061	1.303.971.702
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.126.961.842)
<b>Cộng</b>	<b>201.039.400.919</b>	<b>163.717.489.790</b>	<b>33.194.949.287</b>

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 và 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

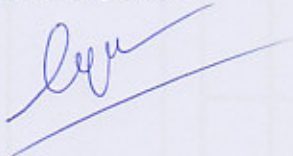
Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

**6. Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

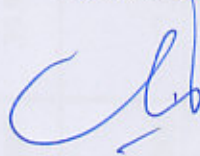
Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016  
**Tổng Giám đốc**  
  
 Lê Hồng Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

Kết thúc ngày 30/06/2016

**Phụ lục 01****9. Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.000.000	1.000.000	39.900.421.392	39.900.421.392	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum (1)	1.000.000	1.000.000	27.585.721.392	27.585.721.392	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Kontum	-	-	12.314.700.000	12.314.700.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>39.900.421.392</b>	<b>39.900.421.392</b>	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>

- Hợp đồng vay : 141/15/NHNT ngày 10/08/2105 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kon Tum, hạn mức vay: 100.000.000.000 VNĐ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đường, thời hạn vay vốn đến hết 10/08/2016, thời gian cho vay : 6 tháng kể từ ngày nhận kế ước vay, lãi suất theo từng lần nhận nợ, tài sản đảm bảo : không có tài sản đảm bảo .